

PHÂN TÍCH MÔ HÌNH TRIỂN KHAI KHAI BÁO THUẾ ĐIỆN TỬ CHO HỘ KINH DOANH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

Nguyễn Thị Ngọc Đào
 Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ
 Trần Kim Cương
 Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ
 Trần Thị Bích Lan
 Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, việc hiện đại hóa hệ thống thuế, đặc biệt là khai báo thuế điện tử, trở thành mục tiêu ưu tiên nhằm tăng hiệu quả và minh bạch trong quản lý thuế tại Việt Nam. Nghiên cứu này ứng dụng mô hình TAM (Technology Acceptance Model) và UTAUT (Unified Theory of Acceptance and Use of Technology) để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng khai báo thuế điện tử của các hộ kinh doanh cá thể. Trên cơ sở dữ liệu khảo sát giả định từ hộ kinh doanh trên toàn quốc, các biến nghiên cứu bao gồm kỳ vọng hiệu suất, kỳ vọng nỗ lực (độ dễ sử dụng), ảnh hưởng xã hội và điều kiện thuận lợi được kiểm định thông qua phân tích PLS-SEM. Kết quả dự kiến cho thấy độ hữu ích cảm nhận và độ dễ sử dụng cảm nhận có tác động tích cực đến ý định sử dụng, đồng thời ảnh hưởng xã hội và điều kiện hỗ trợ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy việc áp dụng khai báo thuế điện tử. Những đóng góp của nghiên cứu mang ý nghĩa khoa học trong việc áp dụng mô hình chấp nhận công nghệ vào lĩnh vực thuế, đồng thời cung cấp cơ sở thực tiễn giúp cơ quan thuế định hướng chính sách và giải pháp hỗ trợ phù hợp cho hộ kinh doanh trong tiến trình chuyển đổi số.

Từ khóa: Khai báo thuế điện tử; hộ kinh doanh cá thể; chuyển đổi số; TAM; UTAUT.

ANALYZING THE IMPLEMENTATION MODEL OF E-TAX DECLARATION FOR HOUSEHOLD BUSINESSES IN THE CURRENT CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION

Abstract: In the context of strong digital transformation, modernizing the tax system, especially electronic tax declaration, has become a priority to enhance efficiency and transparency in Vietnam's tax administration. This study applies the Technology Acceptance Model (TAM) and the Unified Theory of Acceptance and Use of Technology (UTAUT) to analyze factors influencing household businesses' intention to use electronic tax declaration. Using hypothetical survey data from nationwide household businesses, the study examines variables such as performance expectancy, effort expectancy (perceived ease of use), social influence, and facilitating conditions via PLS-SEM analysis. The expected results indicate that perceived usefulness and ease of use positively affect usage intention, and social influence and support conditions also significantly drive the adoption of e-tax declaration. The contributions of this research are both theoretical, by applying technology acceptance models to the tax domain, and practical, by providing a basis for tax authorities to design appropriate policies and support mechanisms for household businesses in the digital transformation process.

Keywords: Electronic tax declaration; household businesses; digital transformation; TAM; UTAUT.

Nhận bài: 17/10/2025

Phản biện: 17/11/2025

Duyệt đăng: 22/11/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuyển đổi số đang trở thành xu hướng toàn cầu, mang lại lợi thế cạnh tranh và tăng hiệu quả cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ở Việt Nam, chính phủ đang tích cực đẩy mạnh hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản lý nhà nước, trong đó có hệ thống thuế điện tử. Ví dụ, người nộp thuế có thể sử dụng tài khoản định danh điện tử để hoàn tất thủ tục đăng ký thuế điện tử, qua đó giảm bớt thông tin trùng lặp và tăng cường tuân thủ kỹ thuật số cho đối tượng thuế quy mô nhỏ như hộ gia đình kinh doanh. Hộ kinh doanh cá thể đóng góp quan trọng vào kinh tế tư nhân; hiện cơ quan thuế đang quản lý trên 3,6 triệu hộ kinh doanh. Từ ngày 1/1/2026, chế độ thuế khoán (lump-sum tax)

đối với hộ kinh doanh sẽ bị bãi bỏ và chuyển sang kê khai thuế dựa trên doanh thu thực tế, đồng nghĩa với việc các hộ kinh doanh phải bắt buộc sử dụng hệ thống khai thuế điện tử. Tuy nhiên, dữ liệu thực tế cho thấy tỷ lệ người nộp thuế sử dụng kê khai điện tử ở Việt Nam vẫn còn rất thấp so với phương thức truyền thống. Nghiên cứu của Bruhn và cộng sự cũng chỉ ra rằng ngay cả khi doanh nghiệp nhỏ quan tâm và được hỗ trợ miễn phí nền tảng công nghệ mới thì việc duy trì việc sử dụng cũng gặp nhiều khó khăn do lợi ích ban đầu chưa rõ ràng hoặc thời gian thu hồi lâu. Điều này đặt ra bài toán quan trọng về việc làm thế nào để tăng cường khả năng tiếp nhận và sử dụng khai báo thuế điện tử cho các hộ kinh doanh trong bối cảnh

chuyển đổi số. Trong bối cảnh trên, việc sử dụng các mô hình lý thuyết về chấp nhận công nghệ như TAM và UTAUT là rất phù hợp. Các mô hình này đã được các nghiên cứu ứng dụng rộng rãi để giải thích hành vi chấp nhận và sử dụng công nghệ mới. Nghiên cứu này xây dựng mô hình tích hợp dựa trên TAM và UTAUT để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng khai báo thuế điện tử của hộ kinh doanh, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai hệ thống thuế điện tử trong thực tế.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu 1: Phân tích mức độ chấp nhận và xác định các yếu tố chính ảnh hưởng đến ý định sử dụng khai báo thuế điện tử của hộ kinh doanh cá thể.

Mục tiêu 2: Xây dựng mô hình nghiên cứu tích hợp dựa trên mô hình TAM và UTAUT để đánh giá các nhân tố tác động đến việc áp dụng khai thuế điện tử.

Mục tiêu 3: Đề xuất các giải pháp và khuyến nghị nhằm nâng cao khả năng áp dụng hệ thống khai báo thuế điện tử, hỗ trợ các hộ kinh doanh chuyển đổi từ phương thức kê khai truyền thống sang điện tử.

2.2. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Về mặt khoa học, nghiên cứu giúp làm phong phú thêm kho tri thức về chấp nhận công nghệ trong lĩnh vực quản lý nhà nước, cụ thể là quản lý thuế. Việc áp dụng mô hình TAM và UTAUT trong ngữ cảnh Việt Nam không những thử nghiệm tính thích hợp của các mô hình này đối với đối tượng hộ kinh doanh, mà còn bổ sung cái nhìn định tính về cách các yếu tố tâm lý và xã hội ảnh hưởng đến hành vi sử dụng dịch vụ công nghệ mới. Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu cung cấp thông tin quan trọng cho cơ quan thuế và các nhà hoạch định chính sách: hiểu rõ các rào cản và động lực cho việc áp dụng hệ thống khai thuế điện tử sẽ giúp thiết kế các chương trình đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, và cải tiến giao diện người dùng phù hợp hơn. Nghiên cứu này cũng mở ra cơ sở cho việc triển khai thí điểm hoặc khảo sát thực tế trong tương lai, qua đó giúp đạt được mục tiêu hiện đại hóa quản lý thuế tại các khu vực nông thôn và vùng sâu vùng xa.

2.3. Cơ sở lý thuyết

Chuyển đổi số và chính sách thuế điện tử.

Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước đề cập đến việc ứng dụng công nghệ thông tin để cải thiện hiệu quả và chất lượng dịch vụ công. Trong lĩnh vực thuế, điều này bao gồm phát triển các công nghệ thông tin điện tử, ứng dụng di động (eTax Mobile), và tích hợp dữ liệu nhằm rút ngắn thời gian xử lý, giảm thiểu sai sót và minh bạch hóa thông tin. Vietnam Briefing nhận định việc sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng ký thuế và kê khai điện tử giúp giảm bớt thông tin dư thừa và tăng cường tuân thủ cho các đối tượng nhỏ như hộ kinh doanh. Tuy nhiên, hiệu quả cuối cùng phụ thuộc vào mức độ chấp nhận của người sử dụng.

Mô hình TAM. Mô hình Technology Acceptance Model (TAM) do Davis (1989) phát triển nhằm giải thích các yếu tố quyết định việc người dùng chấp nhận công nghệ mới. Trong đó, độ hữu ích cảm nhận (perceived usefulness) và độ dễ sử dụng cảm nhận (perceived ease of use) là hai thành phần trung tâm. TAM cho rằng nếu người dùng tin rằng hệ thống giúp cải thiện hiệu suất công việc (hữu ích) và cảm thấy dễ sử dụng, thì khả năng họ chấp nhận và sử dụng công nghệ đó sẽ cao. Nhiều nghiên cứu đã mở rộng TAM bằng cách bổ sung các biến bên ngoài để phù hợp với ngữ cảnh cụ thể. Ví dụ, Su và cộng sự (2022) đã tích hợp các yếu tố an toàn cá nhân và chất lượng dịch vụ vào TAM để nghiên cứu niềm tin vào ứng dụng giao đồ ăn.

Mô hình UTAUT. Unified Theory of Acceptance and Use of Technology (UTAUT) được Venkatesh và cộng sự (2003) xây dựng bằng cách tổng hợp các mô hình chấp nhận công nghệ trước đó. UTAUT đề xuất bốn nhân tố chính ảnh hưởng đến ý định và hành vi sử dụng công nghệ: kỳ vọng hiệu suất (Performance Expectancy), kỳ vọng nỗ lực (Effort Expectancy), ảnh hưởng xã hội (Social Influence) và điều kiện thuận lợi (Facilitating Conditions). Trong đó, kỳ vọng hiệu suất tương tự như độ hữu ích cảm nhận trong TAM, kỳ vọng nỗ lực tương ứng với độ dễ sử dụng, ảnh hưởng xã hội phản ánh mức độ chịu tác động từ người thân, bạn bè, đồng nghiệp, và điều kiện thuận lợi đề cập đến nguồn lực, hỗ trợ kỹ thuật sẵn có. Vo và Le (2021) đã áp dụng UTAUT để nghiên cứu

việc chấp nhận dịch vụ chính phủ điện tử tại Việt Nam và khẳng định vai trò quan trọng của các yếu tố này: kỳ vọng hiệu suất, kỳ vọng nỗ lực và ảnh hưởng xã hội đều có tác động đáng kể lên ý định sử dụng, trong khi điều kiện thuận lợi có vai trò then chốt đối với hành vi sử dụng thực tế.

Kết hợp hai mô hình trên cho phép bao quát cả khía cạnh cá nhân (nhận thức công nghệ) và xã hội (tác động từ môi trường) trong việc chấp nhận khai báo thuế điện tử. Các nghiên cứu trước đây về e-government cũng đã chỉ ra rằng chất lượng hệ thống, niềm tin và các yếu tố tâm lý đều ảnh hưởng đến sự chấp nhận dịch vụ công nghệ thông tin. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này xác định sáu biến chính từ hai mô hình để phân tích (bao gồm kỳ vọng hiệu suất, kỳ vọng nỗ lực, ảnh hưởng xã hội, điều kiện thuận lợi, độ hữu ích cảm nhận và độ dễ sử dụng cảm nhận), phù hợp với bối cảnh hộ kinh doanh.

2.4. Mô hình nghiên cứu và giả thuyết

Dựa trên cơ sở lý thuyết trên, mô hình nghiên cứu tích hợp TAM và UTAUT được đề xuất với các nhân tố độc lập ảnh hưởng đến Ý định sử dụng (Behavioral Intention) dịch vụ khai báo thuế điện tử của hộ kinh doanh. Cụ thể, nghiên cứu đề xuất các giả thuyết sau:

Giả thuyết 1 (H1): Độ hữu ích cảm nhận (Performance Expectancy) của hệ thống khai báo thuế điện tử có ảnh hưởng dương đến ý định sử dụng của hộ kinh doanh.

Giả thuyết 2 (H2): Độ dễ sử dụng cảm nhận (Effort Expectancy) của hệ thống có ảnh hưởng dương đến độ hữu ích cảm nhận của người dùng.

Giả thuyết 3 (H3): Độ dễ sử dụng cảm nhận có ảnh hưởng dương đến ý định sử dụng dịch vụ khai báo thuế điện tử.

Giả thuyết 4 (H4): Ảnh hưởng xã hội (Social Influence) có ảnh hưởng dương đến ý định sử dụng khai báo thuế điện tử.

Giả thuyết 5 (H5): Điều kiện hỗ trợ (Facilitating Conditions) có ảnh hưởng dương đến ý định sử dụng khai báo thuế điện tử.

Các giả thuyết này phản ánh giả định rằng nếu người nộp thuế (hộ kinh doanh) cảm thấy hệ thống khai thuế điện tử hữu ích và dễ dùng, đồng thời nhận được sự hỗ trợ từ cộng đồng và cơ quan quản lý, thì họ có xu hướng tiếp cận và sử dụng hệ thống này cao hơn.

2.5. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng với dữ liệu giả định thu thập qua khảo sát trực tuyến. Cụ thể:

Đối tượng và phạm vi: Hộ kinh doanh cá thể tại Việt Nam. Mẫu khảo sát được giả định gồm khoảng 300–400 hộ kinh doanh từ các địa phương khác nhau trên cả nước.

Công cụ thu thập dữ liệu: Bảng câu hỏi điện tử với thang đo Likert 7 điểm (từ 1 – hoàn toàn không đồng ý đến 7 – hoàn toàn đồng ý) được thiết kế dựa trên các biến nghiên cứu của mô hình TAM và UTAUT. Tất cả các mục đo lường (performance expectancy, effort expectancy, social influence, facilitating conditions, perceived usefulness, perceived ease of use, behavioral intention) đều đã được kiểm định ở các nghiên cứu trước.

Phương pháp phân tích: Dữ liệu thu thập (giả định) được xử lý bằng phần mềm PLS-SEM (SmartPLS) để kiểm định độ tin cậy (Cronbach's alpha), độ chính xác hội tụ (AVE), và xây dựng mô hình cấu trúc đường kính (structural model). Các hệ số tương quan và độ chặn (path coefficient) được đánh giá để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến ý định sử dụng. Nếu cần thiết, phân tích hồi quy đa biến có thể được sử dụng bổ sung để so sánh kết quả.

Các bước phân tích bao gồm: (1) kiểm tra độ tin cậy thang đo, (2) phân tích nhân tố khám phá nếu cần để đảm bảo tính hợp lệ cấu trúc, (3) xây dựng mô hình PLS-SEM với các mối quan hệ giả thuyết, và (4) kiểm định mức ý nghĩa thống kê của các mối quan hệ này. Việc sử dụng dữ liệu giả định (simulated data) nhằm minh họa quy trình nghiên cứu: trong thực tế, các biến đều có thể được đo bằng phỏng vấn hay khảo sát các hộ kinh doanh và xử lý tương tự để đánh giá tính hợp lệ của mô hình.

III. KẾT LUẬN

Kết quả sơ bộ từ mô hình giả định cho thấy các yếu tố thuộc TAM và UTAUT đều đóng vai trò quan trọng trong việc chấp nhận hệ thống khai báo thuế điện tử ở nhóm hộ kinh doanh. Đặc biệt, mức độ cảm nhận tính hữu ích và độ dễ sử dụng cảm nhận của hệ thống là hai nhân tố có tác động tích cực mạnh mẽ đến ý định sử dụng, cho thấy nếu người dùng thấy hệ thống rõ ràng lợi ích (ví dụ giảm thời gian kê khai, tăng tính minh bạch)

và thân thiện thì họ có xu hướng sử dụng cao hơn. Đồng thời, ảnh hưởng xã hội (khuyến khích từ cơ quan thuế, cộng đồng doanh nghiệp) và điều kiện thuận lợi (được hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và truy cập internet) cũng là các yếu tố thúc đẩy người dùng mới tiếp cận hệ thống. Điều này gợi ý rằng song song với việc nâng cao tính năng kỹ thuật của hệ thống, cơ quan thuế cần tăng cường truyền thông, hỗ trợ thủ tục và đào tạo cho hộ kinh doanh, đặc biệt ở khu vực vùng sâu vùng xa, nhằm khắc

phục rào cản tin học và tâm lý ban đầu.

Nghiên cứu đã góp phần làm rõ cơ chế tác động giữa các yếu tố tâm lý – xã hội và hành vi của người dùng khi áp dụng dịch vụ công nghệ mới trong bối cảnh Việt Nam. Tuy nhiên, hạn chế của nghiên cứu là dựa trên số liệu giả định, do đó kết quả chỉ mang tính minh họa. Trong tương lai, cần tiến hành khảo sát thực nghiệm trên quy mô lớn với mẫu hộ kinh doanh thực tế để xác thực mô hình và độ chính xác của các hệ số ước lượng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bruhn, M., Tan, S. W., & Tran, T. (2025, May 20). *Challenges with digital technology adoption by SMEs: A case study from Viet Nam*. World Bank Blogs: All About Finance. <https://blogs.worldbank.org/en/allaboutfinance/challenges-with-digital-technology-adoption-by-smes--a-case-stud>
- Hoang, H., & Tan, T. L. (2023). *Unveiling digital transformation: Investigating technology adoption in Vietnam's food delivery industry for enhanced customer experience*. Heliyon, 9(9), e19719. <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e19719>
- Lu, N., & Nguyen, V. (2016). Online tax filing—E-government service adoption case of Vietnam. *Modern Economy*, 7(12), 1498–1504.
- Pham, M., & Luy, D. T. Y. (2025, October 31). *Vietnam's tax digitalization progress in 2025: Highlights for businesses*. Vietnam Briefing. <https://www.vietnam-briefing.com/news/vietnams-tax-digitalization-2025.html>
- Vo, T.-T.-T., & Le, P.-C.-L. (2021). *An empirical study on e-government adoption in Vietnam: Moderating role of uncertainty avoidance*. In N. D. Vo et al. (Eds.), *Proceedings of the 2nd International Conference on Human-centered AI (Computing4Human 2021)* (Vol. 3026). CEUR Workshop Proceedings.
- Vietnam Investment Review. (2025, November 14). *Household businesses prepare for e-filing as lump-sum tax ends*. <https://vir.com.vn/household-businesses-prepare-for-e-filing-as-lump-sum-tax-ends-140736.html>